

Nam Định, ngày 03 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện thu chi NSNN Quý II, 6 tháng đầu năm 2023 của đơn vị dự toán Văn phòng VKSND tỉnh Nam Định

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Đơn vị dự toán Văn phòng Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Nam Định báo cáo, công khai tình hình thực hiện thu chi NSNN theo số liệu thực hiện Quý II, 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

I. Công khai số liệu báo cáo thực hiện Quý II, 6 tháng đầu năm 2023

1. Nội dung công khai

Công khai tình hình thực hiện thu chi NSNN quý II, 6 tháng đầu năm 2023 theo Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức công khai: Đăng tải trên trang thông tin điện tử của Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Nam Định.

3. Thời điểm công khai: Ngày 03/7/2023.

II. Báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện thu chi NSNN quý II/2023

Đối với các nhiệm vụ được giao, đơn vị đã chủ động thực hiện và đảm bảo chi phục vụ các hoạt động, nhiệm vụ chi thường xuyên, đột xuất của đơn vị.

- Tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước nguồn kinh phí quản lý hành chính quý II/2023:

+ Đối với nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ: Ước thực hiện 3.631,5 triệu đồng, đạt 24,0% dự toán năm đã được giao, bằng 105,3% so với cùng kỳ năm 2022;

+ Đối với nguồn kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: Ước thực hiện 116,9 triệu đồng, đạt 2,2% dự toán năm đã được giao, bằng 252,5% so với cùng kỳ năm 2022.

(Số liệu theo Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính đính kèm).

- Tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước nguồn kinh phí đào tạo bồi dưỡng quý II/2023: Đơn vị được giao 260,0 triệu đồng, ước thực hiện 42,6 triệu đồng, đạt 16,4% dự toán năm đã được giao; bằng 117,8% so với cùng kỳ năm 2022;

- Tình hình thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển (kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản) quý II/2023: Đơn vị được giao 4.436,0 triệu đồng, ước thực hiện 0,0 triệu đồng, đạt 0,0% dự toán năm đã được giao; từ sau quý II/2023, đơn vị triển khai thực hiện.

III. Báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện thu chi NSNN 6 tháng đầu năm 2023

Đối với các nhiệm vụ được giao, đơn vị đã chủ động thực hiện và đảm bảo chi phục vụ các hoạt động, nhiệm vụ chi thường xuyên, đột xuất của đơn vị.

- Tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước nguồn kinh phí quản lý hành chính 6 tháng đầu năm 2023:

+ Đối với nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ: Ước thực hiện 6.519,7 triệu đồng, đạt 43,1% dự toán năm đã được giao, bằng 100,7% so với cùng kỳ năm 2022;

+ Đối với nguồn kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: Ước thực hiện 143,6 triệu đồng, đạt 2,8% dự toán năm đã được giao, bằng 236,8% so với cùng kỳ năm 2022.

(Số liệu theo Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính đính kèm).

- Tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước nguồn kinh phí đào tạo bồi dưỡng 6 tháng đầu năm 2023: Đơn vị được giao 260,0 triệu đồng, ước thực hiện 67,3 triệu đồng, đạt 25,9% dự toán năm đã được giao; bằng 165,4% so với cùng kỳ năm 2022;

- Tình hình thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển (kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản) quý II/2023: Đơn vị được giao 4.436,0 triệu đồng, ước thực hiện 0,0 triệu đồng, đạt 0,0% dự toán năm đã được giao; từ sau quý II/2023, đơn vị triển khai thực hiện.

Trên đây là thuyết minh báo cáo tình hình thực hiện thu chi ngân sách nhà nước quý II, 6 tháng đầu năm 2023 của đơn vị dự toán Văn phòng Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Nam Định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Trần Mạnh Đông

Đơn vị: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 004

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Định, ngày 03 tháng 7 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Viện KSND tỉnh Nam Định công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2023 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính	20.324,5	3.748,4	18,4	107,2
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	15.116,5	3.631,5	24,0	105,3
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.208,0	116,9	2,2	252,5
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	260,0	42,6	16,4	117,8
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi SN phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi SN phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi SN phát thanh, truyền hình, thông tấn				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Nam Định, Ngày 03 tháng 7 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Trần Mạnh Đông

Đơn vị: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 004

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Định, ngày 03 tháng 7 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Viện KSND tỉnh Nam Định công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng năm 2023 như sau:

6.663,337870

ĐV tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính	20.324,5	6.663,3	32,8	102,0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	15.116,5	6.519,7	43,1	100,7
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.208,0	143,6	2,8	236,8
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	260,0	67,3	25,9	165,4
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi SN phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi SN phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi SN phát thanh, truyền hình, thông tấn				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Nam Định, Ngày 03 tháng 7 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Trần Mạnh Đông